

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ số lượng vắc xin từ nguồn ngân sách tỉnh
cho các xã, phường, đặc khu để triển khai tiêm phòng
cho đàn gia súc trong đợt 1/2026 và năm 2026**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 3496/KH-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026;

Trên cơ sở đăng ký nhu cầu vắc xin của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để thực hiện công tác tiêm phòng cho đàn gia súc đợt 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ số lượng vắc xin mua từ nguồn ngân sách tỉnh cho các xã, phường, đặc khu để triển khai tiêm phòng cho đàn gia súc đợt 1/2026 (đối với vắc xin Lở mồm long móng tiêm phòng cho trâu, bò) và tiêm phòng trong năm 2026 (đối với vắc xin Viêm da nổi cục trâu bò, Đại chó mèo, Tụ huyết trùng trâu bò, Tam liên lợn), như sau:

1. Vắc xin Lở mồm long móng tiêm phòng cho trâu, bò: 186.700 liều, trong đó:

- Vắc xin LMLM type O, A: 92.525 liều (nguồn tồn năm 2025 chuyển sang);
- Vắc xin LMLM type O: 94.175 liều (nguồn tồn năm 2025 chuyển sang 30.575: liều; nguồn năm 2026: 63.600 liều).

2. Vắc xin Viêm da nổi cục trâu bò: 121.070 liều (nguồn tồn năm 2025 chuyển sang: 10.120 liều; Nguồn năm 2026: 110.950 liều);

3. Vắc xin Đại chó mèo: 42.047 liều (nguồn tồn năm 2025 chuyển sang: 952 liều; Nguồn năm 2026 là 41.095 liều);

4. Vắc xin Tam liên lợn: 35.050 liều (nguồn tồn năm 2025 chuyển sang);

5. Vắc xin Tụ huyết trùng trâu bò: 2.450 liều (nguồn tồn năm 2025 chuyển sang).

(Có phụ lục phân bổ chi tiết cho các xã, phường, đặc khu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chi cục Chăn nuôi và Thú y:

a) Xuất cấp đúng, đủ số lượng vắc xin như trên; hướng dẫn các xã, phường, đặc khu tiếp nhận, bảo quản, sử dụng và lập đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định hiện hành.

b) Bố trí phương tiện chuyên dụng, vận chuyển vắc xin đến kho lạnh của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tại địa chỉ số 17 Nguyễn Văn Trỗi, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi để bảo quản và cấp phát cho các xã, phường thuộc khu vực phía Tây Quảng Ngãi; tổ chức cấp phát vắc xin cho các xã, phường, đặc khu thuộc khu vực phía Đông Quảng Ngãi tại kho lạnh của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, tại địa chỉ số 176 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đề nghị Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh động vật chủ động liên hệ với Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi để tiếp nhận, bảo quản, sử dụng vắc xin đúng mục đích, đúng quy trình kỹ thuật, tránh thất thoát, lãng phí; lập đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo hướng dẫn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y; báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD, các PGD Sở NN&MT (Báo cáo);
- Lưu: VT, CNTY(NVMình).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quang Trung

PHỤ LỤC:
PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG VẮC XIN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày tháng 6 năm 2026 của
Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Xã, phường, đặc khu	Vắc xin LMLM (liều)			Vắc xin VDNC (liều)		Vắc xin Đại chó mèo (liều)		Vắc xin Tam liên lợn (liều)	Vắc xin Tụ huyết trùng trâu, bò (liều)
		Nhu cầu địa phương đăng ký đợt 1/2026	Số lượng vắc xin LMLM phân bổ tiêm cho trâu bò đợt 01/2026		Nhu cầu địa phương đăng ký	Số lượng phân bổ năm 2026	Nhu cầu địa phương đăng ký	Số lượng phân bổ năm 2026		
			LMLM type O, A	LMLM type O						
1	Khánh Cường	6.400		6.400	5.900	5.900	100	100	-	-
2	Nguyễn Nghiêm	2.500		2.500	500	500	0	0	-	-
3	Đình Cường	5.000		2.000	5.000	3.000	1.000	1.000	-	-
4	Ba Động	2.300		2.300	2.300	2.300	773	773	-	-
5	An Phú	2.500		2.500	2.500	2.500	2.000	2.000	-	-
6	P.Trương Q Trọng	5.525		5.525	5.525	5.525	1.000	1.000	-	-
7	Sơn Tây	2.500		2.500	2.500	2.500	500	500	-	-
8	Tây Trà	1.000		1.000	1.000	1.000	0	0	-	-
9	Trà Bồng	2.000		2.000	1.000	1.000	200	200	-	-
10	Ba Gia	3.200	3.200	0	4.000	4.000	0	0	1.000	-
11	Trà Giang	4.500	4.500	0	3.500	3.500	747	747	-	-
12	P Đức Phổ	6.200		6.200	5.700	5.700				
13	P. Sa Huỳnh	900		900	550	550	0	0	-	-
14	Bình Sơn	2.450		2.450	4.000	4.000	0	0	-	-
15	Long Phụng	2.400		2.400	3.000	3.000	1.500	1.500	-	-
16	Đông Trà Bồng	700		700	860	860	0	0	-	-

17	Thọ Phong	2.000		2.000	2.000	2.000	360	360	-	-
18	Ba Đình	1.200		1.200	1.000	1.000	300	300	-	-
19	Thiện Tín	3.000		3.000	2.500	2.500	0	0	2.800	-
20	Đặng Thủy Trâm	1.200		1.200	0	0	483	483	-	-
21	Cà Đàm	1.200		1.200	1.200	1.200	200	200	-	-
22	P. Trà Câu	6.800		6.800	5.400	5.400	400	400	-	-
23	Ba Xa	500	500	0	500	500	0	0	-	-
24	Sơn Tây Thượng	2.000		2.000	1.500	1.500	0	0	500	-
25	Trường Giang	3.000		3.000	3.500	3.500	100	100	-	-
26	Phước Giang	3.000		3.000	1.300	1.300	500	500	1.000	-
27	Tịnh Khê	0		0	4.000	4.000	0	0	-	-
28	Nghĩa Giang	4.175	1.500	2.675	3.675	3.675	2.252	2.252	2.000	-
29	P. Nghĩa Lộ	350		350	300	300	0	0	-	-
30	Sơn Kỳ	2.800		2.800	1.600	1.600	0	0	-	-
31	Lân Phong	2.300		2.300	2.290	2.290	400	400	-	-
32	Lý Sơn	150		150	150	150	0	0	300	-
33	Cẩm Thành	50		50	50	50	550	550	-	-
34	Ba Tơ	1.000		1.000	600	600	800	800	1.950	-
35	Bình Chương	1.000		1.000	1.700	1.700	0	0	-	-
36	Sơn Hà	1.900		1.900	1.400	1.400	0	0	-	-
37	Sơn Thủy	2.000		2.000	1.200	1.200	0	0	-	-
38	Tây Trà Bồng	1.400	1.400		1.050	1.050	0	0	500	-
39	Ba Vì	3.000	3.000		2.500	2.500	400	400	1.800	-
40	Ba Tô	2.350	2.350		1.850	1.850	450	450	1.000	-
41	Sơn Hạ	1.850	1.850		3.200	3.200	500	500	-	-
42	Nghĩa Hành	2.000	2.000		2.000	2.000	760	760	3.000	1.000
43	Vạn Tường	1.500		1.500	3.500	3.500	0	0	-	-
44	Thanh Bồng	1.700		1.700	1.200	1.200	200	200		
45	Sơn Mai	1.200	1.200		400	400	0	0	-	-
46	Ba Vinh	2.100	2.100		1.466	1.460	400	400	-	-

47	Đông Sơn	5.000	5.000		9.500	9.500	150	150	-	-
48	Mộ Đức	2.337	2.325		1.911	1.900	20	20	-	-
49	Bình Minh	1.000	1.000		0	0	130	130	-	-
50	Sơn Tịnh	3.000		3.000	3.000	3.000	0	0	1.500	-
51	Tư Nghĩa	2.416		2.400	2.416	2.400	1.500	1.500	1.000	-
52	Vệ Giang	0		0	0	0	1.195	1.195	1.000	-
53	Mỏ Cày	2.500		2.500	1.960	1.960	300	300	-	-
54	Sơn Linh	2.500		2.500	2.000	2.000	0	0	-	-
55	Minh Long	1.355		1.350	450	450	0	0	500	1.000
56	Sơn Tây Hạ	2.235		2.225	900	900	0	0	500	-
57	Ia Đal	1.300	1.300				1.200	1.200	500	-
58	Đăk Rve	1.800	1.800				150	150	1.300	
59	Kon Braih	4.200	4.200				1.350	1.350	500	-
60	Đăk Mar	800	800				200	200	-	-
61	P. Kon Tum	400	400				300	300	-	-
62	Đăk Pxi	300	300				0	0	-	-
63	Mô Rai	1.968	1.950				880	880		
64	Tu Mơ Rông	1.850	1.850				868	868	500	-
65	Đăk Môn	1.500	1.500				1.200	1.200	500	-
66	Măng Đen	2.600	2.600				1.400	1.400	1.100	450
67	Bờ Y	900	900				1.200	1.200	500	-
68	Sa Loong	525	525				650	650	-	-
69	Ngọc Bay	2.400	2.400				200	200	-	-
70	Đăk Plô	0	0				0	0	0	-
71	Đăk Sao	2.910	2.900				0	0	400	-
72	Xốp	1.900	1.900				598	598	-	-
73	Măng Bút	2.250	2.250				560	560	450	-
74	P. Đăk Cấm	1.000	1.000				0	0	50	-
75	Đăk Pék	2.100	2.100				500	500	400	-
76	Sa Bình	3.000	3.000				1.900	1.900	500	-

77	Đăk Tờ Kan	1.675	1.675				235	235	70	-
78	Ia Toi	1.600	1.600				0	0	500	-
79	Ngọc Tụ	1.075	1.075		100	100	277	277	250	-
80	Đăk Kôi	3.114	3.100				350	350	-	-
81	Đăk Long	680	675				800	800	350	-
82	Kon Đào	1.500	1.500				100	100	-	
83	Đăk Rơ Wa	1.350	1.350				0	0	350	-
84	Ngọc Linh	800	800				500	500	1.000	-
85	Đăk Ui	2.000	2.000				110	110	1.000	-
86	Ngọc Réo	1.075	1.075				310	310	160	-
87	Đăk Bla	1.100	1.100				500	500	200	
88	Măng Ri	4.175	4.175				1.639	1.639	1.000	-
89	Dục Nông	3.000	3.000				200	200	2.140	-
90	Đăk Hà	2.000	2.000				950	950	600	-
91	Sa Thầy	1.800	1.800				1.900	1.900	80	-
92	Đăk Tô	2.850	Sử dụng số lượng vắc xin LMLM type O còn tồn tại địa phương (5.100 liều) đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phân bổ tại Quyết định số 967/QĐ-SNNMT ngày 11/12/2025 để tiêm phòng cho trâu bò năm 2026 (đợt 1/2026: 2.850 liều và đợt 2/2026: 2.250 liều)				850	850	300	-
Tổng cộng		192.640	92.525	94.175	123.103	121.070	42.047	42.047	35.050	2.450